

Xy lanh kẹp loại song song DHPL-10-20-P-A

Số bộ phận: 8112216

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	10
Tổng hành trình	20 mm
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	10 mm
Độ chính xác trao đổi tối đa	0.2 mm
Bộ gấp tối đa hàm góc chơi riu, ay	0.22 °
Khe chấu kẹp tối đa Sz	0.064 mm
đối xứng quay	0.2 mm
Độ chính xác lắp lại kẹp	0.03 mm
Số chấu kẹp	2
Loại bộ truyền động	khí nén
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu
Chức năng kẹp	Song song
Thiết bị an toàn lực kẹp	không có
Cấu trúc xây dựng	Thanh răng/bánh răng
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng trượt
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Áp suất vận hành	0.25 MPA...0.8 MPA 2.5 bar...8 bar 36.25 psi...116 psi
Tần số làm việc tối đa của kẹp	2 Hz
Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	41 ms
Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	70 ms
Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài	54 g
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Mức độ bảo vệ	IP54
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	60 N

Đặc tính	Giá trị
Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	38 N
Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	30 N
Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	19 N
Mô-men quán tính khối lượng	1.6 kgcm ² ...2.2 kgcm ²
Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh	40 N
Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh	0.5 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh	0.5 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh	0.5 N m
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
trọng lượng sản phẩm	251 g
Kiểu gắn	với lỗ xuyên tùy ý:
Cổng nối khí nén	M5
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu nắp che	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đế cuối van	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Hàm kẹp vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu con dấu piston	TPE-U(PU)
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vòng đệm chữ O	NBR
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm
Vật liệu thanh răng	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu bánh răng	Đồng thiêu kết